

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD6 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671002-801 - V t l l i c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010005	34CCD6	Lê Minh	An	01/04/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
2	3475010004	34CLC-DD1	Nguy n Tr ng	An	09/01/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
3	3575011725	35CXD6	H c Th	Anh	20/06/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	6.8	4.8	6.7	
4	3471010030	34CCD6	Ph m V ã	C nh	15/10/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
5	3574010503	35COT2	Tr n H c ng	C ng	26/09/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
6	3471010034	34CLC-CD	Lê	Chinh	28/11/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
7	3571010274	35CCĐ4	Nguy n Minh	Chính	20/06/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	THI CHUNG LOP 1
8	3474010009	34COT2	Mai Vĩ t	Chung	05/12/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
9	3471010054	34CCD3	Nguy n T ã ng	Danh	30/09/1992				6.0	5.0		5.5	1.7	4.8	3.4	5.0	
10	3575030681	35CNVL1	Lê Hoàng	Dân	12/12/1993				9.0	7.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
11	3575010790	35CXD1	V ã T n	Diêm	02/01/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
12	3574011199	35COT2	L ² V ã	Diên	06/03/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	5.3	3.7	5.4	
13	3471010056	34CCD1	Phan Bình	Dinh	03/04/1991				8.0	6.0		7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
14	3575010153	35CXD3	Nguy n Tu n	Duy	02/02/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
15	3471010079	34CCD5	Nguy n Quang	ñ i	13/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	5.3	3.7	3.7	
16	3571010524	35CCĐ5	Nguy n H i	ñ ã ng	27/01/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
17	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh	ñ m	01/04/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
18	3575031183	35CNVL1	Nguy n Th c nh	ñ » ng	02/08/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 34CCD6 N ăm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671002-801 - V t l ỉ L i c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ĩ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ĩ I M THI	QUY TS : 70.00%	ĩ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
19	3575011179	35CXD5	Tr n Xu² n	ĩ »ng	05/12/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
20	3475010051	34CXD4	Nguy n N	Em	02/03/1991				5.0	5.0		5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
21	3575010842	35CXD2	Ph m VÑ	Hanh	02/12/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
22	3575010934	35CXD5	Nguy n Thanh	H i	07/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3571011796	35CLC1-CD	L² m VÑ	Hi u	08/08/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
24	3575010206	35CXD3	Bùi Xuân	Hi p	02/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	THI CHUNG LOP 1
25	3471010120	34CCD5	Nguy n ñ ²nh	Hi p	26/10/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	4.3	3.0	4.7	
26	3571011514	35CCĐ7	Nguy n ñ ²nh	Hòa	06/01/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
27	3574011390	35COT2	Võ	Hùng	01/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
28	3571010093	35CCĐ3	VH B²ch	Hùng	07/08/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
29	3575010824	35CXD1	ĩ © VÑ	H ng	06/09/1991				8.0	6.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
30	3575010196	35CXD3	Lâm	H ng	30/05/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	4.8	3.4	5.3	
31	3575010048	35CXD2	L² m VÑ	H ng	12/09/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
32	3471010164	34CCD3	Tr n Qu c	Khánh	01/12/1992				5.0	5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
33	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh	Lam	10/03/1992				5.0	5.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
34	3475010121	34CXD5	Tr n Quang	Lâm	29/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	3574011178	35COT2	VH ² c	Lâm	23/06/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	
36	3575011331	35CXD6	Nguy n Minh	Luy n	15/05/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD6 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671002-801 - V t l ĩ L i c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
37	3471010207	34CLC-CD	Tr nh ã c	M nh	22/09/1991				8.0	7.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
38	3575011625	35CXD6	Th ^a n Ng c	M n	30/07/1992				8.0	5.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
39	3471010208	34CCD5	ñ ng H ^o a	M inh	11/08/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
40	3571010319	35CCĐ3	ñ ng H u	M inh	26/12/1992				5.0	5.0		5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
41	3471010212	34CCD5	V H ĩ nh	M inh	21/02/1988				7.0	5.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
42	3571011054	35CCĐ5	Nguy n Vi t	Nghiêm	03/05/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.3	3.0	5.0	
43	3475010166	34CXD6	Tr n H u	Ngh ĩ	20/03/1992				8.0	5.0		6.5	2.0	3.8	2.7	4.6	
44	3571010931	35CCĐ5	V H ĩ nh	Nguyễn	19/05/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
45	3575010837	35CXD1	Phan T ĩ nh	Phúc	03/06/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
46	3471010260	34CCD5	Ph m V ã ĩ	Quang	10/08/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	3575011148	35CXD5	Phan H i	Quân	03/10/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
48	3574011277	35COT2	Hu nh ã ĩ nh	Quý	22/06/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
49	3575010510	35CXD4	Nguy n Ng c	Qu c	02/02/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
50	3571011376	35CCĐ6	Nguy n Minh	Quy t	15/12/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
51	3574010338	35COT2	Hu nh B o	Sanh	03/01/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
52	3574011688	35COT2	L ² ã c	S	21/12/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
53	3575010813	35CXD1	L ² H ng	S n	20/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
54	3575031742	35CNVL1	Nguy n H u	Tài	12/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
55	3575010103	35CXD3	Ph m V ã ĩ	Tâm	10/07/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	

Kh¹a h c :	L p h c : 34CCD6	N¹n h c : 2012-2013	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 1230671002-801 - V t l l E i c n g	H c km : HK03	

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ TểN	NGÀY SINH	Ỉ M THỈ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	Ỉ M THI	QUY TS : 70.00%	Ỉ M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
56	3575030180	35CNVL1	L ² Tr ẻng	T ẻn	10/02/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
57	3575031741	35CNVL1	Huỳnh T ẻn	Tỉ ẻn	15/01/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
58	3575031585	35CNVL1	Ph ẻm Minh	Toàn	12/01/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
59	3575011323	35CXD6	L ² ẻnh	Tôn	08/06/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
60	3471010367	34CCD4	Tr ẻnh Quang	Tuần	27/09/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
61	3575010655	35CXD5	Huỳnh Anh	Tu ẻn	18/02/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
62	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang	Tu ẻn	21/02/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
63	3471010375	34CCD7	Tr ẻn ẻnh	Tu ẻn	01/10/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
64	3575011131	35CXD5	Nguy ẻn Thanh	Tú	01/01/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
65	3575010086	35CXD3	Tr ẻn Anh	Tú	19/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
66	3575010835	35CXD1	Lê Minh	T ẻng	15/05/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
67	3571011222	35CCĐ6	Nguy ẻn Duy	Thanh	24/04/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
68	3471010286	34CCD6	Tr ẻng ẻ c	Thanh	01/10/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
69	3475010247	34CLC-DD1	Lê Minh	Th ẻng	03/06/1991				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
70	3571010698	35CLC1-CĐ	Nguy ẻn VỈ	Th ẻng	20/11/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
71	3571011639	35CCĐ7	ẻnh VỈ	Thân	07/08/1992				8.0	5.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
72	3471010320	34CCD3	Ph ẻm VỈ	Thích	03/04/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
73	3575030646	35CNVL1	Hà Minh	Thông	27/04/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
74	3571010520	35CCĐ5	Thái Doãn	Thông	14/09/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671002-801 - V t ấ L i c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
75	3575031521	35CNVL1	Tr nh V ấ	Tri u	10/11/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
76	3575030607	35CNVL1	Ph m ấ nh	Trung	10/02/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
77	3471010390	34CCD7	Nguy n Th	Út	09/08/1990				8.0	7.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
78	3475010336	34CXD6	Lê Quang	Vân	23/12/1992				6.0	5.0		5.5	1.7	6.8	4.8	6.4	
79	3475010339	34CLC-DD1	L ng V ấ	Vi t	01/06/1992				6.0	5.0		5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	

T ng s : 79 h c sinh sinh vi ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ồ V i ấ n B M ấ n Gi ồ V Khoa